

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-PT

Ngày 15 tháng 11 năm 2022

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Điều Thị Bích Lợt

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng

Ông Nguyễn Anh T

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Đăng ký tạm trú: Khu 7, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Anh Trần Anh T - sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

**Người kháng cáo:** Anh Trần Anh T là bị đơn

(Chị N, anh T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:*

Chị và anh Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã P ngày 29/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở Khu dân cư P, phường P, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nết của nhau, mỗi người một quan điểm sống nên không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau nữa. Đến đầu năm 2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ sống, vợ chồng ly thân

từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và cháu Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu B, để anh T nuôi cháu L, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng nguyện vọng của các con chị đều muốn ở với anh T nên chị đồng ý để anh T nuôi cả 2 con chung và chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 19/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm chị thay đổi do anh T cố tình gây khó khăn không đến Tòa án để giải quyết, không thể hiện quan điểm gì về việc nuôi con chung, và anh T còn nghiện ma túy, thường xuyên đánh chị, chị có mức thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Trần Anh T trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, báo gọi anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh Trần Anh T cố tình trốn tránh không đến tòa nên không thể hiện được quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại bản khai ngày 24/4/2022, cháu Trần Vương L và cháu Trần Thị Ngọc B đều trình bày có nguyện vọng được ở với bố là Trần Anh T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 30/8/2022, Tòa án nhân dân thị xã P (TAND) đã quyết định:

Căn cứ vào điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động tự túc được. Anh Trần Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng Chị N vì Chị N không yêu cầu, anh Trần Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, công nợ, công sức, nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2022 anh T kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị được nuôi 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Anh T, chị Hoàng Thị N thống nhất thỏa thuận như sau:

Chị N và anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 cho đến khi các cháu thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm: Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Anh T. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Chị N, anh T.

(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Kháng cáo của anh Trần Anh T là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung kháng cáo trong phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét: xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thống nhất thỏa thuận được toàn bộ nội dung kháng cáo của anh T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chị Hoàng Thị N, anh Trần Anh T thống nhất thỏa thuận:

Giao cho anh Trần Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 cho đến khi cháu thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Anh T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trần Anh T, chị Hoàng Thị N như sau:

Về con chung: Giao cho anh Trần Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Vương L - sinh ngày 26/8/2010 và Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 11/9/2014 cho đến khi các cháu thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2] Án phí phúc thẩm: Anh Trần Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh T 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/00028854 ngày 04/10/2022 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

[3] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**Nơi nhận:**

- VKSND T.Phú Thọ
- Chi cục THADS TX. Phú Thọ
- TAND TX. Phú Thọ
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Điêu Thị Bích Lợt**